Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9404.90.00

Mã HS	9404.90.00
Mô tả hàng hóa	Khung đệm; các mặt hàng thuộc bộ đồ giường và các loại tương tự (ví dụ, đệm, chăn quilt, chăn nhồi lông, nệm, đệm ghế loại dài và gối) có gắn lò xo hoặc nhồi hoặc lắp bên trong bằng vật liệu bất kỳ hoặc bằng cao su xốp hoặc plastic xốp, có hoặc không bọc / - Loại khác
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	11/11/2026 08:43:50
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/94049000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	30	30%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18581
Thuế NK ưu đãi (MFN)	20	20%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18581
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18581
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-BN, KH)	0% (trừ BN, KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-KH, MM)(GIC)	0% (trừ KH, MM)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	5/0	5 / 0 (nhiều mức)	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Cần diễn giải
VIFTA	11.4/14	11.4 / 14 (nhiều mức)	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Cần diễn giải
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17888
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17817
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17817
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17817
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17817
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17817
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17817
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E17873
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17873
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17873

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17873
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17873
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17873
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	4	VJ!E17874
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	2	VJ!F17874
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17874
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17874
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17874
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17874
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17879
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17836
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17831
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17831
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17831
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17831
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17831
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17831
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17877
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17877
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17877
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17877
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17877
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17877
VCFTA	2022	2022		VC!17941
VCFTA	2023	2023		VC!17941
VCFTA	2024	2024		VC!17941

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025		VC!17941
VCFTA	2026	2026		VC!17941
VCFTA	2027	2027		VC!17941
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17917
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17917
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17917
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17917
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17917
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17917
AHKFTA	2022	2022	12	AKH!D17910
AHKFTA	2023	2023	8	AKH!E17910
AHKFTA	2024	2024	8	AKH!F17910
AHKFTA	2025	2025	4	AKH!G17910
AHKFTA	2026	2026	4	AKH!H17910
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17910
EVFTA	2022	2022	5	EV-NK!D17940
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17940
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17940
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17940
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17940
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17940
UKVFTA	2022	2022	5	UKV!D17939
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17939
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17939
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17939
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17939

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17939
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D18033
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E18033
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F18033
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G18033
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H18033
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I18033
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J18033
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17902
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17902
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17902
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17902
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17902
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17902
RCEP B	2022	2022	0	B!D17902
RCEP B	2023	2023	0	B!E17902
RCEP B	2024	2024	0	B!F17902
RCEP B	2025	2025	0	B!G17902
RCEP B	2026	2026	0	B!H17902
RCEP B	2027	2027	0	B!I17902
RCEP C	2022	2022	0	C!D17900
RCEP C	2023	2023	0	C!E17900
RCEP C	2024	2024	0	C!F17900
RCEP C	2025	2025	0	C!G17900
RCEP C	2026	2026	0	C!H17900
RCEP C	2027	2027	0	C!I17900

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D17899
RCEP D	2023	2023	0	D!E17899
RCEP D	2024	2024	0	D!F17899
RCEP D	2025	2025	0	D!G17899
RCEP D	2026	2026	0	D!H17899
RCEP D	2027	2027	0	D!I17899
RCEP E	2022	2022	0	E!D17903
RCEP E	2023	2023	0	E!E17903
RCEP E	2024	2024	0	E!F17903
RCEP E	2025	2025	0	E!G17903
RCEP E	2026	2026	0	E!H17903
RCEP E	2027	2027	0	E!I17903
RCEP F	2022	2022	0	F!D17902
RCEP F	2023	2023	0	F!E17902
RCEP F	2024	2024	0	F!F17902
RCEP F	2025	2025	0	F!G17902
RCEP F	2026	2026	0	F!H17902
RCEP F	2027	2027	0	F!I17902
VIFTA	2024	2024		VI!16780
VIFTA	2025	2025		VI!16780
VIFTA	2026	2026		VI!16780
VIFTA	2027	2027		VI!16780

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: Hàng tiêu dùng QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.I)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: DM mặt hàng đã được cắt giảm kiểm tra chuyên ngành (765/QĐ-BCT ngày 29/03/2019)*		765/QĐ-BCT	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
FTA-010	YELLOW	Khác biệt giữa biểu tổng hợp và biểu FTA gốc	AKFTA: biểu tổng hợp BT2026 ghi “0(-KH, MM)(GIC)”, biểu FTA gốc kỳ 2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn) ghi “0”.		119/2022/NĐ-CP	Đối chiếu Nghị định gốc và văn bản sửa đổi để xác định mức chính xác.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 9404.90.00 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 9404.90.00	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9404.90.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 20% của mã 9404.90.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18581), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng

Hàng tiêu dùng QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.I)
HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)
DM mặt hàng đã được cắt giảm kiểm tra chuyên ngành (765/QĐ-BCT ngày 29/03/2019)*

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.